

Stt	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TB tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
Khóa 2017								
1	Lê Nho	Thắng	19-11-1999	17CNTTC	2.98	145	Khá	
2	Nguyễn Trương	Trà	05-01-1999	17SVL	2.92	136	Khá	
Khóa 2018								
1	Nguyễn Thị Quỳnh	Giao	29-01-2000	18CBC3	2.73	142	Khá	
2	Đoàn Văn	Nhân	03-09-2000	18CBC3	2.99	136	Khá	
3	Nguyễn Khánh	Nhi	28-09-2000	18CBC3	2.88	136	Khá	
4	Nguyễn Xuân	Vũ	27-09-2000	18CVNH3	2.87	137	Khá	
5	Nguyễn Ngọc	Châu	24-12-2000	18SDL	2.72	137	Khá	
6	Nguyễn Thành	Luân	11-07-1999	18SDL	3.00	142	Khá	
7	Lê Trà	Long	10-06-2000	18CDDL2	3.27	135	Giỏi	
8	Trần Đình	Phượng	02-08-2000	18CDDL2	2.48	135	Trung bình	
Khóa 2019								
1	Lê Võ Tấn	Phát	27-05-2001	19CVNH2	3.18	131	Khá	
2	Hồ Thị Thu	Thủy	15-07-2001	19CVNH2	2.91	131	Khá	
3	Nguyễn Thị Yến	Thanh	27-05-2001	19SLD	2.86	132	Khá	
4	Hà Dung Nhật	Thọ	29-12-2001	19CTL	2.80	131	Khá	
5	Lê Trần Khánh	Linh	24-10-2001	19CTLC	3.35	131	Giỏi	
Khóa 2020								
1	Dư Huỳnh An	Long	15-03-2002	20SHH2	2.39	132	Trung bình	
2	Bùi Thị Minh	Tuyền	14-12-2002	20SHH2	2.35	133	Trung bình	
3	Lê Đặng Thảo	Ly	23-03-2000	20SNV2	2.51	135	Khá	
4	Lê Thị Tường	Vi	22-08-2002	20SNV4	2.66	132	Khá	
5	Lê Thị	Liên	12-12-2001	20CVH	3.40	131	Giỏi	
6	Nguyễn Thanh	Tuấn	10-02-2002	20CVH	2.71	130	Khá	
7	Lương Thị Hoàng	Anh	23-03-2002	20CBC3	3.08	134	Khá	
8	Nguyễn Cao Thị Thanh	Phượng	23-06-2002	20CBC2	2.84	136	Khá	
9	Mai Tấn	Nhật	22-06-2002	20CLS	3.08	130	Khá	
10	Bùi Phương	Linh	19-07-2002	20SDL	2.79	139	Khá	
11	Phan Thị Kiều	Diễm	31-05-2002	20CDDL1	2.99	131	Khá	
12	Lê Thị Tường	Vy	09-02-2002	20CDDL1	3.22	131	Giỏi	
13	Cao Thị Thanh	Nhàn	15-02-2002	20CTL2	3.44	133	Giỏi	
14	Bùi Võ Hoài	Thư	11-07-2002	20CTL2	3.02	132	Khá	
Khóa 2021								

Stt	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TB tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
1	Hoàng Văn	Chiến	20-05-2003	21CNTT1	2.56	131	Khá	
2	Trần Hưng Huy	Hoàng	04-07-2003	21CNTT1	2.89	135	Khá	
3	Hà Nhật	Phong	21-08-2003	21CNTT1	2.47	137	Trung bình	
4	Trương Văn	Đạt	12-11-2003	21CNTT3	2.66	137	Khá	
5	Phan Văn Duy	Thuận	30-10-2003	21CNTT3	2.56	132	Khá	
6	Nguyễn Minh	Nhật	27-11-2003	21CNTT4	2.30	137	Trung bình	
7	Nguyễn Thị Hà	Vy	25-07-2003	21CHD	2.73	131	Khá	
8	Trần Thị Ngọc	Bích	22-09-2003	21CNSH	3.55	133	Giỏi	
9	Hồ Như	Đông	29-10-2003	21SGC	3.43	135	Giỏi	
10	Ta Cooi	Táo	10-01-2003	21SGC	3.48	135	Giỏi	
11	Lê Hoàng Anh	Minh	12-03-2001	21SAN	3.28	140	Giỏi	
12	Trần Nguyễn Thị Thanh	Nga	26-12-2003	21SCD	3.55	135	Giỏi	
13	Hồ Lê Mỹ	Phúc	17-08-2003	21CVH	2.85	135	Khá	
14	Thị Bảo	Trâm	25-08-2003	21CVH	2.92	137	Khá	
15	Lê Thanh Thảo	Ly	26-11-2003	21CVHH	3.27	131	Giỏi	
16	Trần Lê	Minh	16-02-2003	21CBC1	3.01	131	Khá	
17	Lê Hiếu	Hạnh	12-07-2003	21CBC2	3.31	131	Giỏi	
18	Lê Đỗ Quỳnh	Hương	02-07-2003	21CBC2	3.35	131	Khá	Hạ bậc
19	Võ Đình Nhật	Thuận	13-05-2003	21CBC2	3.32	131	Giỏi	
20	Đình Văn	Bình	10-03-2003	21SLS	3.46	132	Giỏi	
21	Trần Thị Cẩm	Nhung	08-11-2003	21CVNH1	2.52	133	Khá	
22	Nguyễn Thị Thanh	Trà	03-07-2003	21CVNH1	3.42	131	Giỏi	
23	Trần Thị Quỳnh	Như	12-11-2002	21CLS	3.40	130	Giỏi	
24	Phan Thị Kim	Huệ	05-09-2003	21CDDL	3.03	134	Khá	
25	Thái Đình Bảo	Chương	25-01-2003	21CTXH	2.82	133	Khá	
26	Dương Quốc	Bảo	18-05-2003	21CTLC	3.38	136	Giỏi	
27	Tongôl Mai Linh	Huyền	10-12-2003	21STH2	3.25	130	Giỏi	
Khóa 2022								
1	Nguyễn Mạnh	Hùng	15-05-2004	22SPT	2.88	131	Khá	
2	Cao Đoàn	Hưng	12-09-2004	22SPT	2.89	137	Khá	
3	Đoàn Minh	Thư	22-11-2004	22SPT	3.25	135	Giỏi	
4	Mai Duy	Đạt	29-11-2004	22CNTT1	2.58	133	Khá	
5	Đỗ Thị	Duyên	06-02-2004	22CNTT1	2.61	134	Khá	
6	Phạm Ngọc	Hải	19-08-2004	22CNTT1	2.55	132	Khá	
7	Huỳnh Thị Như	Huệ	29-11-2004	22CNTT1	2.60	134	Khá	
8	Nguyễn Quang	Ninh	12-10-2003	22CNTT1	2.53	130	Khá	
9	Trần Công	Thịnh	20-02-2004	22CNTT1	2.19	137	Trung bình	
10	Huỳnh Như	Tuệ	15-03-2004	22CNTT1	2.60	134	Khá	
11	Phạm Văn	Vũ	11-09-2004	22CNTT1	2.74	136	Khá	

Stt	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TB tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
12	Phommasone	Dokhak	15-12-2002	22CNTT2	2.45	133	Trung bình	
13	Đặng Duy	Khánh	22-08-2004	22CNTT2	2.88	132	Khá	
14	Đoàn Việt	Khánh	15-11-2004	22CNTT2	2.83	132	Khá	
15	Phan Thị Thục	Uyên	13-07-2004	22CNTT2	3.39	132	Giỏi	
16	Mai Thị Thanh	Huyền	27-04-2004	22CNTTC	3.58	132	Giỏi	
17	Đinh Thị Hoàng	Chinh	29-09-2001	22SVL	3.28	131	Giỏi	
18	Nguyễn Thị Ly	Ly	26-06-2004	22SS	3.22	133	Giỏi	
19	Nguyễn Thị Ngọc	Hiên	17-09-2004	22CNSH	2.81	131	Khá	
20	Võ Ngọc	Trinh	10-07-2004	22CNSH	2.73	131	Khá	
21	Hồ Trần Quốc	Cường	19-05-2004	22CVH	3.15	133	Khá	
22	Lương Trần Quý	Duyên	20-08-2004	22CVH	2.86	133	Khá	
23	Trần Khánh	Ly	02-06-2004	22CVH	3.23	133	Giỏi	
24	Nguyễn Thị Ánh	Nga	27-09-2004	22CVH	3.06	133	Khá	
25	Lê Thị Hoài	Nhi	31-08-2004	22CVH	2.97	133	Khá	
26	Võ Huỳnh	Như	28-06-2004	22CVH	2.79	131	Khá	
27	Nguyễn Thị Hoài	Phương	15-01-2004	22CVH	2.97	131	Khá	
28	Trần Lê Khánh	Vi	08-10-2004	22CVH	3.32	131	Giỏi	
29	Châu Ngọc Thúy	An	14-06-2004	22CVHH	2.94	136	Khá	
30	Bùi Thị Trà	Giang	01-06-2004	22CVHH	3.20	140	Giỏi	
31	Phan Thị Minh	Khuê	10-11-2004	22CVHH	3.15	136	Khá	
32	Nguyễn Thị Tường	Vi	12-01-2004	22CVHH	3.11	136	Khá	
33	Nguyễn Xuân Thành	Đạt	29-12-2004	22CBC1	2.98	131	Khá	
34	Bùi Thị	Hà	27-07-2003	22CBC2	3.33	133	Giỏi	
35	Trần Thị Minh	Huyền	23-02-2004	22CBC1	3.16	131	Khá	
36	Đinh Thị Diệu	Vi	22-05-2004	22CBC1	3.53	131	Giỏi	
37	Nguyễn Phong	Thanh	21-02-2004	22SLS	3.22	132	Giỏi	
38	Nguyễn Thanh	Dung	20-08-2004	22CVNH1	3.13	131	Khá	
39	Nguyễn Thị Như	Ngà	22-12-2004	22CVNH1	3.21	130	Giỏi	
40	Nguyễn Xuân	Ngọc	08-11-2004	22CVNH1	3.20	130	Giỏi	
41	Trần Đình Anh	Thư	16-06-2004	22CVNH1	3.12	133	Khá	
42	Lâm Anh	Tú	19-09-2004	22CLS	3.41	139	Giỏi	
43	Đào Thị	Vi	25-04-2004	22CLS	3.27	135	Giỏi	
44	Alung Phi	Lực	04-10-2004	22SLD1	3.08	134	Khá	
45	Đinh Nhật Huyền	My	15-09-2004	22SLD1	2.76	134	Khá	
46	Nguyễn Vũ Thảo	My	18-06-2004	22SLD1	3.06	136	Khá	
47	Hứa Thị Hồng	Hạnh	01-02-2004	22SLD2	2.77	136	Khá	
48	Đặng Huỳnh Chí	Lân	19-11-2004	22SLD2	2.97	132	Khá	
49	Phan Thị Hoài	Thương	10-08-2004	22SLD2	2.93	134	Khá	
50	Lê Thị Ngọc	Ánh	01-11-2004	22CDDL	3.32	131	Giỏi	

Stt	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TB tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
51	Vô Văn Anh	Hào	24-10-2004	22CDDL	2.87	133	Khá	
52	Nguyễn Đắc	Nhớ	27-09-2004	22CDDL	3.26	130	Giỏi	
53	Phạm Đình Nhật	Tân	01-01-2004	22CDDL	2.83	130	Khá	
54	Nguyễn Lê Khánh	Vy	22-04-2004	22CDDL	2.86	130	Khá	
55	Lê Quang Hồ	Hiệp	02-04-2004	22SCD	3.18	131	Khá	
56	Kiều Bảo	Ngân	18-08-2004	22SCD	3.12	130	Khá	
57	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	13-07-2004	22SCD	3.20	134	Giỏi	
58	Nguyễn Ngọc	Như	29-12-2004	22CTL	2.94	132	Khá	
59	Ngô Tuấn	Linh	18-10-2003	22CTXH	3.19	131	Khá	
60	Nguyễn Thanh Thảo	Nguyên	05-10-2002	22CTXH	2.92	131	Khá	
61	Rơ Lan	Chúc	13-04-2004	22STH1	3.45	130	Giỏi	
62	Nguyễn Thị Thanh	Hương	20-02-2004	22STC	3.13	134	Khá	
63	Phan Kiều	Trình	16-01-2004	22STC	3.44	134	Giỏi	
64	Phạm Thị Ngọc	Trâm	29-10-2004	22SMN1	2.93	135	Khá	
65	Zorâm Thị Thu	Trang	18-11-2004	22SMN1	3.10	135	Khá	
66	ALăng Thị	Ái	10-04-2004	22SMN2	2.84	135	Khá	
67	Nguyễn Thị	Huệ	18-01-2004	22SMN3	2.96	133	Khá	
68	Võ Ly	Na	19-05-2004	22SAN	3.06	137	Khá	
69	Võ Yến	Nhi	20-08-2004	22SAN	3.42	139	Khá	Hạ bậc
70	Trần Hoàng	Anh	02-09-2004	22SGT	3.24	135	Giỏi	
71	Huỳnh Ngọc	Bôn	15-03-2004	22SGT	3.22	132	Giỏi	
72	Nguyễn	Đức	09-04-2003	22SGT	3.29	135	Giỏi	
73	Nguyễn Ngọc	Tú	19-07-2003	22SGT	3.50	132	Giỏi	
74	Nguyễn Quang	Tùng	02-05-2004	22SGT	3.28	135	Giỏi	
75	Ngô Văn	Việt	06-02-2004	22SGT	3.56	135	Giỏi	
76	Hoàng Trọng	Lộc	14-01-1991	22SGT	3.60	133	Xuất sắc	